TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07/3/2018
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lắm

2. Ông Nguyễn Văn Truyền

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Bà Lê Thị Lăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Chấm – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số 340/2017/TLST — HN ngày 15/11/2017 về việc: "Xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HN ngày 18/01/2017, quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HN ngày 07/02/2018. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị D, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Ngô Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt không lý do)

Trú tại: ấp B, xã N, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Chị Diễm và anh Ngô Văn T kết hôn vào năm 2003, dựa trên điều kiện quen biết và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh B. Sau khi kết hôn, chị D và anh T sống hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh Ngô Văn T nhậu nhẹt và thường đánh chị D. Chị D và anh T ly thân cách nay 07 năm. Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Con chung Ngô Huyền T, sinh ngày 18/11/2004 hiện đang sống với chị D. Nay chị D yêu cầu được nuôi con,

không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Cháu Ngô Huyền T trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và giải quyết đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự trong quá trình thụ lý và giải quyết: nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt các lần tòa án mời.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D, chị Trần Thị D được ly hôn với anh Ngô Văn T. Về con chung: chị D trực tiếp nuôi cháu Ngô Huyền T; Tài sản chung, nợ chung chị D trình bày không có nên không xen xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Trần Thị D yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Văn T nên căn cứ vào Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn".

[2] Thẩm quyền xét xử: Theo xác nhận ngày 15/11/2017 của Công an xã Nhuận Phú Tân đã xác nhận anh Ngô Văn T hiện đang sinh sống tại xã N, huyện M, tỉnh B. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

[3] Nội dung vụ án:

Chị Trần Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt với lý do đi làm xa nên căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

Anh Ngô Văn T đã được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tiến.

Chị Trần Thị D và anh Ngô Văn T kết hôn vào năm 2003 điều kiện kết hôn nhân là do quen biết, tự nguyện đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh B. Như vậy, hôn nhân của chị Trần Thị D và anh Ngô Văn T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị D, chị D cho rằng nguyên nhân vợ chồng mất hạnh

phúc là do anh T thường xuyên uống rượu và đánh chị D. Còn anh Ngô Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo mở phiên công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không lý do. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị D và anh T thì chính quyền địa phương xác nhận nguyên nhân mất hạnh phúc giữa chị D và anh T là do vợ chồng cãi vã và chị D đã bỏ về bên ruột sống hơn 03 năm. Hội đồng xét xử xét thấy anh T không có thiện chí đến tòa án hòa giải để về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T không khắc phục được, mục đích hôn nhân giữa hai anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị D là có căn cứ.

[4] Về nuôi con chung: Cháu Ngô Huyền T, sinh ngày 18/11/2004 hiện đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy anh T không có ý kiến về việc nuôi con và chị D trực tiếp nuôi cháu T từ khi chị D, anh T ly thân, đồng thời nguyện vọng của cháu Tr muốn sống cùng mẹ nên cần để cháu T cho chị D trực triếp nuôi để đảm bảo về mặt tinh thần và thể chất cho cháu. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

[5] Tài sản chung: Chị Trần Thị D trình bày không có, anh Ngô Văn T không có ý kiến nên không không xem xét.

[6] Nợ chung: Chị Trần Thị D trình bày không có, anh Ngô Văn T không có ý kiến nên không không xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị D.

Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Ngô Văn T.

2. Về nuôi con chung: Cháu Ngô Huyền T, sinh ngày 18/11/2004 sẽ do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân

sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản chung: Chị Trần Thị D trình bày không có, anh Ngô Văn T không có ý kiến nên không không xem xét.

4. Nợ chung: Tài sản chung: Chị Trần Thị D trình bày không có, anh Ngô Văn T không có ý kiến nên không không xem xét.

5. Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008897 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam;
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Thuý